

Bản án số: 131 /2018/KDTM - PT
Ngày: 09/10/2018
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng
Ông Lê Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Nguyễn Trần Thắng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Trong các ngày 05 và 09/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 87/2018/TLPT-KDTM ngày 16/8/2018 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017/KDTM ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Đ1, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 407/2018/QĐPT-KDTM ngày 26/9/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1952; Trú tại: số 42 đường Đ, phường T, quận Đ1, thành phố Hà Nội (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh Sơn - Luật sư Văn phòng luật sư Việt Thái- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần A.

Địa chỉ: No 15 LK 15 -17 khu đô thị mới K, phường L, quận Đ1, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Thanh P – Tổng Giám đốc. Trú tại: Phòng 623 Chung cư BC, xã Q, huyện T, thành phố Hà Nội (có mặt).

3. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần A – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – bà Trần Thị H trình bày:***

Công ty Cổ phần A (gọi tắt là bị đơn) vay của bà Trần Thị H (gọi tắt là nguyên đơn) số tiền là 2.877.490.000đ theo Hợp đồng vay vốn ngày 27/8/2014 do ông Bùi Trung L - Tổng Giám đốc ký, Công ty lập phiếu thu tiền ngày 27/8/2014. Hợp đồng vay vốn thỏa thuận thời hạn vay 1 tháng; lãi suất là 1%/ tháng/30 ngày. Sau thời hạn trên bị đơn mới trả cho bà 1.389.641.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh. Ngày 31/12/2015, hai bên chốt nợ, tại bảng tổng hợp tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 31/12/2015 bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 1.487.849.197 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 1.487.849.197đ và trả lãi suất của số tiền này từ ngày 31/12/2015 đến nay theo lãi suất quá hạn tính bằng 150% của mức 1%/tháng /30 ngày. Tạm tính số tiền lãi đến ngày 31/12/2017 là 506.696.400đ.

**** Bị đơn - Công ty Cổ phần A trình bày:***

Công ty Cổ phần A được thành lập ngày 21/5/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017426 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Công ty đã nhiều lần thay đổi người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc ở giai đoạn năm 2007 - 2009 là ông Vũ Quang T; năm 2009 - 2012 là ông Nguyễn Tất Đ; năm 2012 - 2014 là ông Đặng Văn Đ1; năm 2014 - 2015 là ông Bùi Trung L; năm 2015 - 2016 là ông Vũ Quang T và từ năm 2016 đến nay là ông Trần Thanh P.

Năm 2014, do bị đơn có nhu cầu vay vốn để mở rộng sản xuất, kinh doanh nên Hội đồng quản trị Công ty đã ủy quyền cho ông Bùi Trung L - đại diện theo pháp luật của Công ty ký Hợp đồng vay vốn số 01- 08/2014/HĐVV ngày 27 tháng 8 năm 2014 đối với bà H để vay số tiền là 2.877.490.000đ. Thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2014 với lãi suất 1%/tháng/30 ngày. Công ty đã thanh toán trả một phần tiền gốc và lãi vay ở giai đoạn ông L và ông T làm Tổng Giám đốc Công ty. Ngày 31 tháng 12 năm 2015, hai bên chốt nợ gốc và lãi từ ngày 27 tháng 8 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.487.849.197 đồng. Nay bà H yêu cầu Công ty trả nợ số tiền gốc là 1.487.849.197 đồng và tiền lãi bằng 150% lãi suất vay theo Hợp đồng = 1.5%/1 tháng.

Công ty có quan điểm: Hợp đồng vay vốn số 01- 08/2014/HĐVV ký ngày 27/8/2014 bà H cho Công ty vay số tiền là 2.877.490.000 đồng (Phiếu thu ngày 27/8/2014) để bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, bà H không nộp tiền cho Công ty vay vốn mà cho cá nhân ông Đ1 - Tổng Giám đốc vay để chuyển tiền cho Chi nhánh Trung tâm Xây lắp Kinh doanh II và lập hồ sơ không chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Thái Bình Dương Việt Nam do bà Tô Thị Mai Hương - vợ ông Đ1 - Tổng Giám đốc). Khi ông Đ1 bị miễn nhiệm không bàn giao lại hồ sơ tài liệu cho ông Bùi Trung L nhưng ông Nguyễn Tất Đ - Phó Tổng Giám đốc thúc ép nên ông Bùi Trung L đã ký các Hợp đồng vay vốn của Công ty trong đó có Hợp đồng vay vốn với bà H. Trong quá trình còn làm việc, ông Đ đề xuất thu hồi công nợ cho Công ty để Công ty trả một phần cho Hợp đồng vay vốn này. Hợp đồng giữa Công ty và bà H như nêu trên thực chất là giả tạo nhằm che đậy Hợp đồng mà Công ty đã ký kết với bà Nguyễn Thị Châm và ông

Nguyễn Tất Đ (chồng bà H). Do đó, đề nghị Toà án tuyên Hợp đồng vô hiệu theo quy định; buộc bà H phải trả lại số tiền là 1.620.000.000 đồng cho Công ty.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2018/KDTM - ST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Đ1, thành phố Hà Nội đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.
- Buộc Công ty Cổ phần A trả bà Trần Thị H số tiền 1.487.849.197 đồng và tiền lãi suất 401.719.283 đồng. Tổng số là 1.889.568.480 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 09 tháng 01 năm 2018, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ có hay không việc bà H đã thực hiện chuyển tiền cho bị đơn hay chưa; chưa triệu tập ông Bùi Trung L và bà Nguyễn Thị Châm để làm rõ việc đưa nhận tiền với bà Trần Thị H. Ông Bùi Trung L là Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 04/9/2014, do đó hợp đồng vay vốn giữa Công ty và bà Trần Thị H do ông Bùi Trung L ký đại diện Công ty là vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử Đơn trình bày của ông Bùi Trung L nội dung trình bày như các lời khai của ông L tại cấp sơ thẩm, không có gì mới.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà H có quan điểm: không có căn cứ cho rằng ông Bùi Trung L bị ông Nguyễn Tất Đ ép ký hợp đồng vay vốn số 01 – 08 ngày 27/8/2014 vì sau khi ông L ký hợp đồng, không có bất kỳ đơn thư tố cáo nào với cơ quan có thẩm quyền cho rằng ông Đ ép buộc ông L ký hợp đồng. Hợp đồng vay vốn với bà Châm và Công ty có phiếu chi riêng và đã có thanh lý hợp đồng không liên quan đến hợp đồng của bà H với bị đơn.

Công ty cho rằng ông L ký hợp đồng khi ông không phải là người đại diện theo pháp luật là không có căn cứ, vì theo qui định của Luật Doanh nghiệp thì việc huy động thêm vốn thuộc quyền quyết định của Hội đồng quản trị. Tại biên bản họp Hội đồng quản trị về việc huy động vốn năm 2014 - 2015, Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho ông L đại diện ký kết hợp đồng và các giấy tờ liên quan để vay vốn của bà Trần Thị H. Vì vậy, ông L có quyền lợi và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật để ký kết hợp đồng vay vốn nêu trên.

Công ty cho rằng bà H chưa chuyển số tiền 2.877.490.000đ cho Công ty là không đúng. Vì tài liệu hồ sơ thể hiện tại Phiếu chi số 04/8 ngày 27/8/2014 do chính Công ty lập có đóng dấu Công ty, có chữ ký của ông Bùi Trung L, Kế toán trưởng, Thủ quỹ và người lập phiếu. Mặt khác, Công ty đã chốt công nợ với bà H và xác nhận Công ty còn nợ bà H đến ngày 31/12/2015 là 1.487.849.197đ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa có quan điểm:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã Đ1 bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Nguyên đơn ký hợp đồng với bị đơn có phiếu chi tiền, biên bản chốt công nợ giữa 2 bên thể hiện đến ngày 31/12/2015, bị đơn còn nợ nguyên đơn 1.487.849.197đ. Người ký hợp đồng là ông Bùi Trung L thời điểm ký hợp đồng đã có quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông L giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty. Như vậy, việc ông L ký hợp đồng vay vốn với bà H là phù hợp với qui định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án đúng qui định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Xét hợp đồng vay vốn được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn:

Hợp đồng vay vốn số 01- 08/2014/HĐVV ngày 27 tháng 8 năm 2014 giữa bị đơn do ông Bùi Trung L – Tổng Giám đốc ký với nguyên đơn để vay số tiền là 2.877.490.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất 1%/tháng/30 ngày. Nguyên đơn đã chuyển 2.877.490.000 đồng cho bị đơn theo phiếu chi số 04/8 ngày 27/8/2014. Hợp đồng có nội dung và hình thức không trái quy định của pháp luật, ông Bùi Trung L là Tổng Giám đốc Công ty đại diện ký kết hợp đồng với nguyên đơn, các bên ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện ký kết nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành.

Bị đơn đã thanh toán trả nguyên đơn một phần tiền gốc và lãi. Ngày 31/12/2015, hai bên chốt nợ, tại bảng tổng hợp tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 31/12/2015, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.487.849.197 đồng. Do vậy, đủ căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc như trên và lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Việc bị đơn không thanh toán đầy đủ khoản nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản và nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả 1.487.849.197đ tiền gốc và lãi suất cho nguyên đơn là có căn cứ.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, người đại diện của bị đơn thừa nhận Hợp đồng vay vốn do ông Phan Trung L – Tổng Giám đốc ký và các Phiếu chi là do Công ty phát hành và có đóng dấu của Công ty cũng như văn bản xác nhận số nợ gốc tính đến 31/12/2015 là 1.487.849.197 đồng là có thực. Tuy nhiên, phía bị đơn cho rằng ông Nguyễn Tất Đ – Phó Tổng Giám đốc đã ép ông L ký hợp đồng 01 – 08 và việc ký kết nhằm che dấu hợp đồng vay vốn giữa Công ty và bà Nguyễn Thị Châm; Bị đơn chưa nhận được tiền từ nguyên đơn; Hợp đồng được ký ngày 27/8/2014 khi ông L chưa phải là đại diện theo pháp luật của Công ty nhưng đến ngày 04/9/2014 mới có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi và chính thức xác nhận ông L là Tổng Giám đốc, vì vậy Hợp đồng vay vốn nêu trên là vô hiệu.

Xét thấy, không có tài liệu nào trong hồ sơ thể hiện việc ông Đ ép buộc ông L ký hợp đồng vay vốn với nguyên đơn, việc ông L và Công ty cho rằng bị ép buộc ký hợp đồng chỉ là lời khai của phía bị đơn nhưng không có tài liệu nào chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn vẫn cho rằng ông L bị ông Đ ép ký hợp đồng vay vốn với nguyên đơn và xuất trình Đơn trình bày của ông L với nội dung trình bày như các lời khai của ông L tại cấp sơ thẩm, ngoài ra không có tài liệu gì khác để chứng minh. Mặt khác, sau khi ký hợp đồng, bị đơn đã thanh toán trả cho nguyên đơn 1.389.641.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh và 2 bên đã chốt nợ gốc vào ngày 31/12/2015 là 1.487.849.197 đồng, nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

- Bị đơn cho rằng, việc ký kết hợp đồng này nhằm che dấu hợp đồng vay vốn với bà Châm là không có căn cứ vì hồ sơ thể hiện các hợp đồng vay vốn giữa bà Châm với Công ty đều có Phiếu chi và Biên bản thanh lý hợp đồng, thời điểm vay không trùng với thời điểm ký hợp đồng vay vốn với bà H. Vì vậy, hợp đồng vay vốn của nguyên đơn với bị đơn đáp ứng đầy đủ điều kiện có hiệu lực của một giao dịch dân sự.

- Việc bị đơn cho rằng ông L ký hợp đồng không đủ tư cách là đại diện của Công ty là không có căn cứ vì ngày 25/8/2014, Hội đồng quản trị của Công ty đã họp và có biên bản số 07 về việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Đặng Văn Đ1 và bầu ông Bùi Trung L giữ chức vụ Tổng Giám đốc. Cùng ngày, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định số 09 bổ nhiệm ông Bùi Trung L giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

Như vậy, kể từ ngày 25/8/2014, ông L là Tổng Giám đốc của Công ty. Ngày 27/8/2014, ông ký hợp đồng vay vốn nêu trên với bà H với tư cách Tổng Giám đốc Công ty là hoàn toàn đúng thẩm quyền và phù hợp với qui định của pháp luật, đến ngày 04/9/2014 mới có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty thể hiện ông L là Tổng Giám đốc thì việc làm hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty tại Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ là thủ tục hành chính và mang tính chất thông báo về việc thay đổi của doanh nghiệp.

- Bị đơn cho rằng nguyên đơn chưa chuyển số tiền 2.877.490.000đ cho bị đơn là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: tài liệu hồ sơ thể hiện tại Phiếu chi số 04/8 ngày 27/8/2014 do chính bị đơn lập có đóng dấu Công ty, có chữ ký của ông Bùi Trung L, Kế toán trưởng, Thủ quỹ và người lập phiếu thể hiện nguyên đơn đã chuyển đủ số tiền trên. Mặt khác, sau khi ký hợp đồng bị đơn đã thanh toán trả nguyên đơn 1.389.641.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh, như vậy nếu bị đơn chưa nhận được tiền vay từ nguyên đơn thì sẽ không có việc thanh toán trả nguyên đơn tiền gốc và lãi thể hiện qua các phiếu chi và lời thừa nhận của phía bị đơn và 2 bên đã chốt nợ đến ngày 31/12/2015 là còn 1.487.849.197 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn. Vì vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Đ1.

+ Về án phí: bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017/KDTM - ST ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Đ1. **Cụ thể:**

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 38, 39, 147, 148; khoản 2 Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 471, 473, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần A.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Buộc Công ty Cổ phần A trả bà Trần Thị H số tiền gốc là: 1.487.849.197đ; tiền lãi là: 401.719.283đ. Tổng số 1.889.568.480đ.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Công ty Cổ phần A phải nộp 68.687.054đ án phí sơ thẩm và 2.000.000đ án phí phúc thẩm. Tổng số là 70.687.054 đ. Hoàn trả bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.000.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng số 02504 ngày 03/6/2016 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Đ1, thành phố Hà Nội.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 09/10/2018.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Đ1;
- Chi Cục THADS quận Đ1;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy